

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2019 – 2020

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG

Học phần: VẼ KỸ THUẬT NGÀNH MAY

Lớp: 18 C1-CNM 1 Ngày thi: ____ / ____ / 2020

Thời gian thi: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Đề số 1

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Câu 1: (2 điểm)

Hãy trình bày các loại khổ giấy vẽ kỹ thuật

Câu 2: (5 điểm)

Hãy mô tả trình tự thực hiện và ký hiệu các dạng đường may sau:

- Đường may can rãnh
- Đường may can lộn kín
- Đường may can gấp mép
- Đường may viền lật
- Đường may lộn 2 đường

Câu 3: (3 điểm)

Hãy trình bày bản vẽ mô tả phẳng mặt trước sản phẩm áo sơ mi nam tay ngắn, có túi

_____Hết_____

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hiền

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2019 – 2020

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG

Học phần: VẼ KỸ THUẬT NGÀNH MAY

Lớp: 18 C1-CNM 1 Ngày thi: ____ / ____ / 2020

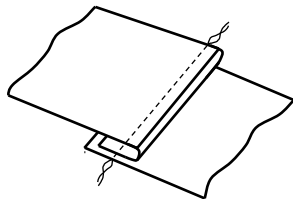
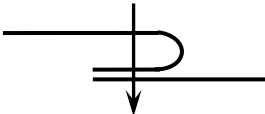
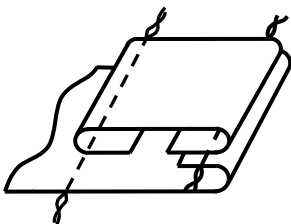
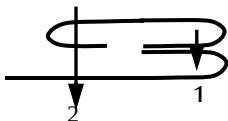
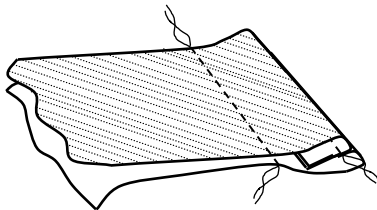
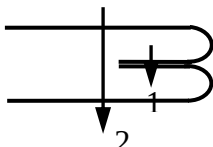
Thời gian thi: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Đề số 1

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

NỘI DUNG

Câu	Ý	Đáp án	Điểm
1	1	Các loại khổ giấy vẽ kỹ thuật	2 đ
2 điểm		– Giấy vẽ được sử dụng là loại giấy trắng 2 mặt, nên dùng loại giấy có độ dày tương đối, thường 2 mặt giấy sẽ có mặt phải nhẵn hơn mặt trái, trình bày bản vẽ trên mặt phải của giấy.	0.5 đ
		– Khổ giấy vẽ được xác định bằng kích thước của 2 cạnh vuông góc của mép giấy. Có 5 loại khổ giấy vẽ được ký hiệu theo tiêu chuẩn TCVN 193 - 66 :	0.5 đ
		+ Khổ chính có kích thước 1189 mm x 841 mm sẽ có diện tích tương đương 1 m ² ($S = 1189 \times 841 = 999.949 \text{ mm}^2$). Các khổ giấy khác sẽ được chia ra từ khổ giấy chính. Ký hiệu khổ chính là A ₀ (1189 x 841).	0.5 đ
		+ Ký hiệu các khổ giấy tiếp theo : A ₁ (594 x 841) ; A ₂ (594 x 420) ; A ₃ (297 x 420) ; A ₄ (297 x 210).	0.5 đ
2	1	Đường may can rẽ	1 điểm
5 điểm		Trình tự thực hiện	0.75đ
		Kí hiệu	0.25đ
	2	Đường may can lộn kín	1 điểm
		Trình tự thực hiện	0.75đ
		Kí hiệu	0.25đ

3	Đường may can gấp mép		1 điểm
	Trình tự thực hiện	Kí hiệu	0.75đ
			0.25đ
4	Đường may viền lật		1 điểm
	Trình tự thực hiện	Kí hiệu	0.75đ
			0.25đ
5	Đường may lộn 2 đường		1 điểm
	Trình tự thực hiện	Kí hiệu	0.75đ
			0.25đ
3 3 điểm	Trình bày bản vẽ mô tả phẳng mặt trước sản phẩm áo sơ mi nam tay ngắn, có túi		3 điểm
	 – Trình bày đầy đủ các chi tiết của sản phẩm. – Tỷ lệ giữa các chi tiết hợp lý – Các nét vẽ đều chính xác – Chân bầu, lá bầu đúng thẩm mỹ.		0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ

		– Tay áo, túi áo đúng thẩm mỹ.	0,5đ
		– Thể hiện đường may chính xác, đầy đủ.	0,5đ

Hết

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hiền

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2019 – 2020

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG

Học phần: VẼ KỸ THUẬT NGÀNH MAY

Lớp: 18 C1-CNM 1 Ngày thi: ____ / ____ / 2020

Thời gian thi: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Đề số 2

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Câu 1: (2 điểm)

Hãy trình bày tiêu chuẩn TCVN về khổ giấy vẽ kỹ thuật

Câu 2: (5 điểm)

Hãy mô tả trình tự thực hiện và ký hiệu các dạng đường may sau:

1. Đường may can lật đê chặn 2 bên
2. Đường may can cuốn sổ
3. Đường may can gấp mép
4. Đường may viền bọc sổ
5. Đường may lé viền đê mí

Câu 3: (3 điểm)

Hãy trình bày bản vẽ mô tả phẳng mặt trước sản phẩm quần tây nam có túi xéo

_____Hết_____

GHI CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hiền

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC: 2019 – 2020

Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG

Học phần: VẼ KỸ THUẬT NGÀNH MAY

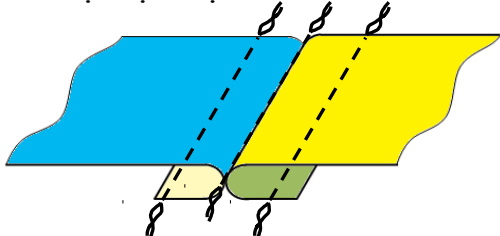
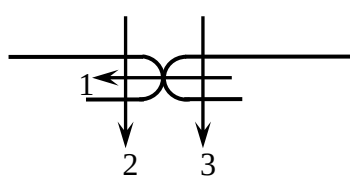
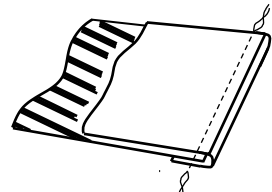
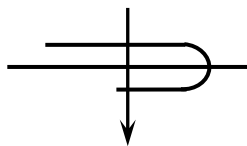
Lớp: 18 C1-CNM 1 Ngày thi: ____ / ____ / 2020

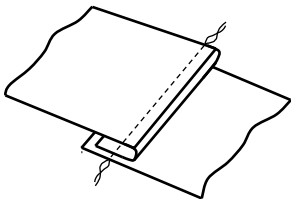
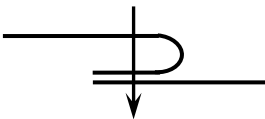
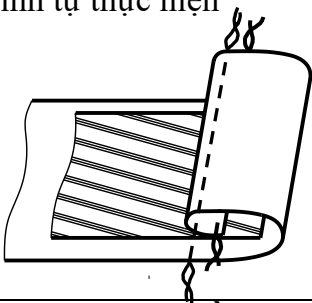
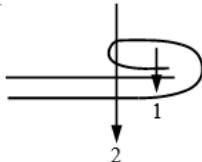
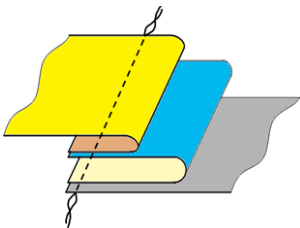
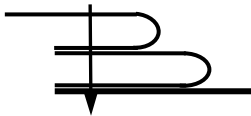
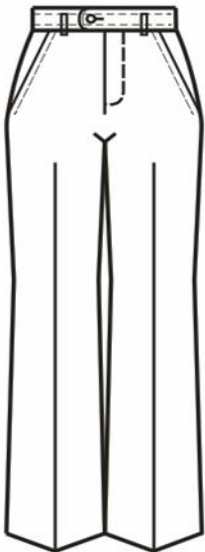
Thời gian thi: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Đề số 2

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

NỘI DUNG

Câu	Ý	Đáp án	Điểm
1	1	Tiêu chuẩn TCVN về khổ giấy vẽ kỹ thuật	2 đ
2 điểm		– Kích thước các loại khổ giấy kể trên được qui định theo tiêu chuẩn TCVN 2-74 – áp dụng cho các bản vẽ trong lĩnh vực công nghiệp và những tài liệu kỹ thuật khác.	0.5 đ
		– Giải thích ý nghĩa ký hiệu TCVN 2 – 74 :	0.5 đ
		+ “ TCVN ” : Tiêu Chuẩn Việt Nam.	0.5 đ
		+ “ 2 ” : Số hiệu đăng ký của tiêu chuẩn	0.5 đ
		+ “ 74 ” : 1974 là năm tiêu chuẩn này được ban hành.	0.5 đ
		– Sai lệch cho phép đối với kích thước trên mỗi cạnh khổ giấy là ± 5 mm	
2	1	Đường may can lật đè chặn 2 bên	1 điểm
5 điểm		Trình tự thực hiện	0.75đ
		 Kí hiệu  2 3 0.25đ	
	2	Đường may can cuốn sổ	1 điểm
		Trình tự thực hiện	0.75đ
		 Kí hiệu  0.25đ	

	3	Đường may can gấp mép		1 điểm
		Trình tự thực hiện	Kí hiệu	0.75đ
				0.25đ
	4	Đường may viền bọc sổ		1 điểm
		Trình tự thực hiện	Kí hiệu	0.75đ
				0.25đ
	5	Đường may lé viền dè mí		1 điểm
		Trình tự thực hiện	Kí hiệu	0.75đ
				0.25đ
3 3 điểm		Trình bày bản vẽ mô tả phẳng mặt trước sản phẩm áo sơ mi nam tay ngắn, có túi		3 điểm
		 – Trình bày đầy đủ các chi tiết của sản phẩm. – Tỷ lệ giữa các chi tiết hợp lý – Các nét vẽ đều chính xác		0,5đ 0,5đ 0,5đ

		– Baget, passant đúng thẩm mỹ.	0,5đ
		– Túi quần đúng thẩm mỹ.	0,5đ
		– Thê hiện đường may chính xác, đầy đủ.	0,5đ

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

_____Hết_____

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hiền